

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước
của Hoạt động Tiêm chủng mở rộng năm 2022**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 05/09/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Công văn số 3033/BYT-KHTC ngày 02/6/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách CTMT Y tế - dân số cho giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 3057/STC-TCHCSN ngày 12/10/2021 của Sở Tài chính Bình Định về việc bố trí kinh phí chương trình mục tiêu - Y tế - Dân số giai đoạn 2021 - 2025 và lập dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tại Tờ trình số 16/TTr-TTKSBT ngày 03/3/2022 và đề nghị của Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Y Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Hoạt động tiêm chủng mở rộng năm 2022, kinh phí thực hiện: 1.070.107.818 đồng (*Một tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn tám trăm mười tám đồng*).

Điều 2. Căn cứ vào nội dung hoạt động và kinh phí đã được phê duyệt:

Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động; quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện việc chi tiêu theo đúng chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện đạt được các mục tiêu của Kế hoạch tại Điều 1.

Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Y Sở Y tế chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo Kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Y tế dự phòng - Bộ Y tế (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp);
- Bệnh viện Phong - DL TƯ Quy Hòa;
- Các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố; (thực hiện)
- Bệnh viện Bình Định;
- Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Trung

KẾ HOẠCH

Hoạt động bằng nguồn ngân sách nhà nước của Hoạt động Tiêm chủng mở rộng năm 2022

I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Duy trì tốt các hoạt động TCMR, bảo đảm an toàn tiêm chủng và đạt chỉ tiêu tiêm chủng các loại vắc xin cho các đối tượng trong diện, góp phần tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ em.

2. Chỉ tiêu

- Bảo vệ thành quả thanh toán bệnh Bại liệt; duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (UVSS), giảm số mắc UVSS dưới 01/1.000 trẻ đẻ sống ở tất cả các huyện/thị xã/thành phố; không chế và tiến tới loại trừ bệnh Sởi.

- Duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 98% ở quy mô xã, phường, thị trấn; tỷ lệ tiêm chủng vắc xin Viêm gan B trong vòng 24 giờ cho trẻ sau sinh đạt trên 85%; tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản mũi 1, 2 đạt trên 98%; tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản mũi 3 đạt trên 98%; tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi được tiêm nhắc vắc xin DPT/SII4 và vắc xin sởi - rubella đạt trên 98%; tỷ lệ tiêm vắc xin bại liệt (IPV) cho trẻ 5 tháng tuổi đạt trên 95%.

- Bảo đảm phụ nữ có thai được tiêm ít nhất 02 mũi vắc xin phòng uốn ván đạt tỷ lệ trên 98%.

- Tổ chức có hiệu quả và đảm bảo đúng tiến độ các chiến dịch tiêm chủng theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả tiêm chủng, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong tiêm chủng, giám sát và xử lý kịp thời các phản ứng sau tiêm chủng; xử lý tốt các vấn đề liên quan đến TCMR. Thực hiện nghiêm túc các quy định theo Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Quản lý tốt các đối tượng tiêm chủng và vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng bằng phần mềm trực tuyến; 100% cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh sử dụng Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Tăng cường giám sát các bệnh thuộc TCMR ở các tuyến, nhất là Liệt mềm cấp/Bại liệt, Chết sơ sinh/Uốn ván sơ sinh, nghi sởi/sởi; giảm tỷ lệ mắc/chết các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2, 3, 4 kèm theo)

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Trong năm 2022.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN VÀ ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI

1. Đối tượng: Tất cả đối tượng thuộc diện tiêm chủng mở rộng (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

2. Phạm vi thực hiện và địa bàn triển khai: 159 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bình Định.

IV. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Tổ chức hoạt động tiêm chủng thường xuyên

a) Cung ứng vắc xin, vật tư tiêm chủng

- Tiếp nhận, phân bổ, quản lý, điều phối vắc xin, vật tư tiêm chủng. Thường xuyên rà soát tình hình sử dụng vắc xin ở các đơn vị để cấp vắc xin đảm bảo nhu cầu sử dụng và định mức. Ưu tiên tiếp cận tiêm chủng tới mọi đối tượng của hoạt động TCMR, đạt độ bao phủ tiêm chủng trên 98%, tránh bỏ lỡ cơ hội tiêm chủng của các đối tượng thuộc diện TCMR.

- Tổ chức mua sắm bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư tiêm chủng, bảo đảm đáp ứng đầy đủ, kịp thời bơm kim tiêm và vật tư tiêm chủng cho các địa phương triển khai tiêm chủng thường xuyên.

- Tiếp tục duy trì giám sát, bảo dưỡng hệ thống dây chuyền lạnh tại các tuyến.

b) Tập huấn, đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ làm tiêm chủng ở các tuyến

- Tiếp tục rà soát, tổ chức tập huấn mới và tập huấn lại về an toàn tiêm chủng, thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), bảo đảm 100% cán bộ tham gia tiêm chủng và cán bộ quản lý vắc xin các tuyến được tập huấn theo quy định của Bộ Y tế.

- Tổ chức Hội thảo tập huấn triển khai Hệ thống quản lý Thông tin tiêm chủng Quốc gia; hướng dẫn quản lý số liệu kết quả tiêm chủng trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.

- Tổ chức Hội thảo tập huấn triển khai các chiến dịch tiêm bổ sung theo quy định của Bộ Y tế.

c) Quản lý đối tượng tiêm chủng

- Hàng tháng chốt đối tượng tiêm chủng các loại vắc xin thực tế tại xã, phường, thị trấn. Thường xuyên rà soát, cập nhật và quản lý tốt các đối tượng trong diện TCMR, kịp thời tiêm bổ sung cho những đối tượng chưa được tiêm chủng hoặc tiêm chưa đủ mũi.

- Quản lý đối tượng TCMR trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia nhằm đảm bảo tính kịp thời, chính xác trong quản lý các số liệu tiêm chủng.

d) Truyền thông

- Cập nhật Lịch tiêm chủng và vắc xin mới cho trẻ em và phụ nữ có thai trong Chương trình TCMR trên các kênh thông tin đại chúng tại địa phương.

- Chủ động truyền thông các nội dung về lợi ích tiêm chủng, các loại vắc trong TCMR trên đài truyền hình tỉnh và các đài phát thanh xã, phường, thị trấn để các bậc cha mẹ hiểu biết và đưa trẻ đi tiêm chủng đầy đủ.

- Truyền thông về các chiến dịch tiêm chủng bổ sung (khi có quy định tổ chức chiến dịch của Bộ Y tế); lợi ích của việc tiêm vắc xin; thời gian, địa điểm triển khai chiến dịch.

- Huy động nguồn lực để truyền thông về an toàn tiêm chủng, hướng dẫn các bà mẹ, người chăm sóc theo dõi trẻ sau tiêm chủng trên các kênh truyền hình địa phương.

đ) Các hoạt động duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ theo mục tiêu, chỉ tiêu

- Tổ chức tốt hoạt động tiêm chủng thường xuyên hàng tháng tại tất cả các xã, phường, thị trấn nhằm duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ > 98%.

- Thường xuyên rà soát, tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho tất cả những trẻ chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm đủ mũi các loại vắc xin ngay trong tháng.

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện tiêm vắc xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong vòng 24 giờ sau sinh tại tất cả các bệnh viện, cơ sở có phòng sinh trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục duy trì tiêm vắc xin VNNB thường xuyên hàng tháng cho trẻ từ 1-2 tuổi tại tất cả các xã/phường/thị trấn theo đúng lịch đã quy định. Chủ động rà soát, tiêm vét cho trẻ trên 36 tháng đến dưới 60 tháng tuổi chưa được tiêm chủng hoặc chưa tiêm chủng đủ mũi vắc xin VNNB.

e) Bảo đảm an toàn tiêm chủng

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát các điều kiện tiêm chủng, công tác tổ chức và thực hiện quy trình, quy định về tiêm chủng tại các cơ sở tiêm chủng, giám sát và xử trí phản ứng sau tiêm chủng. Kịp thời sửa chữa, khắc phục hạn chế, bảo đảm an toàn trong tiêm chủng.

- Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các Trạm y tế xã, phường, thị trấn thường xuyên tự kiểm tra các điều kiện tổ chức tiêm chủng trước mỗi kỳ tiêm chủng hàng tháng, bao gồm: kế hoạch tổ chức buổi tiêm chủng, bố trí quy trình tiêm chủng, trang thiết bị, dây chuyền lạnh, nhân lực, hộp thuốc cấp cứu, phương án xử trí phản ứng nặng sau tiêm chủng...

- Thành lập các Tổ cấp cứu lưu động, sẵn sàng hỗ trợ các điểm tiêm chủng trong những ngày tiêm chủng tại địa phương.

g) Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện

- Tuyến tỉnh tổ chức kiểm tra toàn diện việc quản lý TCMR ở tuyến huyện tối thiểu 4 lần/năm, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót nhằm nâng cao chất lượng tiêm chủng. Giám sát triển khai Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia tại các tuyến huyện và xã.

- Tuyến huyện tổ chức giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định về tiêm chủng đối với tuyến xã, tăng cường giám sát hỗ trợ các xã, phường trong những ngày tiêm chủng.

2. Tổ chức tiêm chủng bổ sung, tiêm chủng chiến dịch

Triển khai chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin Td theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

3. Giám sát các bệnh thuộc chương trình TCMR

Giám sát các bệnh trong TCMR: Tăng cường công tác giám sát các bệnh trong TCMR, lồng ghép giám sát Liệt mềm cấp/Bại liệt; Chết sơ sinh/Uốn ván sơ sinh; sốt phát ban nghi sởi/ sởi/ rubella tại các bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân đóng trên địa bàn tỉnh 01 lần/tuần và đột xuất khi có bệnh, dịch. Thực hiện nghiêm túc khi phát hiện ca bệnh, lập phiếu điều tra và lấy mẫu bệnh phẩm trong giám sát theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Nhu cầu vắc xin, vật tư tiêm chủng và dây chuyền lạnh (Căn cứ vào số đối tượng tiêm chủng, số mũi tiêm chủng, tỷ lệ tiêm chủng, hình thức tổ chức tiêm chủng, hệ số sử dụng vắc xin - vật tư, số tồn vắc xin - vật tư)

a) Dự kiến vắc xin trong tiêm chủng thường xuyên và tiêm chủng chiến dịch

Đơn vị tính: liều

VGB	BCG	DPT-VGB-Hib	bOPV	IPV	Sởi	VNNB	Sởi - rubella	DPT	VAT	Td
23.250	44.300	69.725	112.920	39.870	39.870	119.200	39.850	48.720	89.100	34.270

(Chi tiết tại Phụ lục 5a kèm theo)

b) Dự kiến vật tư tiêm chủng trong tiêm chủng thường xuyên và tiêm chủng chiến dịch

Tiêm chủng thường xuyên				Tiêm chủng chiến dịch	
BKT 0,1 ml	BKT 0,5 ml	BKT 5 ml	Hộp an toàn 5 lít	BKT 0,5ml	Hộp an toàn 5 lít
24.365	316.465	13.670	3.930	26.905	325

(Chi tiết tại Phụ lục 5b kèm theo)

5. Thống kê, báo cáo

- Các xã, phường, thị trấn thống kê, báo cáo kết quả hoạt động tiêm chủng trên địa bàn gửi lên huyện, thị xã, thành phố trước ngày 05 tháng sau; các huyện,

thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trước ngày 10 tháng sau; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổng hợp báo cáo TCMR Quốc gia và TCMR Khu vực trước ngày 15 tháng sau.

- Nội dung báo cáo đầy đủ theo quy định của Chương trình TCMR: Kết quả tiêm chủng thường xuyên hàng tháng, tình hình sử dụng vắc xin và vật tư tiêm chủng, tình hình bệnh truyền nhiễm trong TCMR, trường hợp phản ứng thông thường và phản ứng nặng sau tiêm chủng.

- Tiếp tục sử dụng Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia tại tất cả các cơ sở tiêm chủng.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Trung ương: Cung cấp vắc xin.

2. Ngân sách địa phương

Tổng kinh phí thực hiện: **1.070.107.818** đồng (*bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn tám trăm mười tám đồng*).

(Dự toán kinh phí phân bổ theo các hoạt động chi tiết tại Phụ lục 6)

3. Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao dự toán hàng năm cho Sở Y tế.
- Kinh phí huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

- Đầu mối tổ chức hoạt động TCMR trên địa bàn; tham mưu Sở Y tế các biện pháp chỉ đạo, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh phí để bảo đảm thực hiện đạt các chỉ tiêu chuyên môn.

- Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ, hướng dẫn triển khai các hoạt động theo định hướng của TCMR Quốc gia và thực tế của tỉnh. Hỗ trợ các huyện tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế các tuyến.

- Tiếp nhận, cung cấp đầy đủ, kịp thời vắc xin và dụng cụ tiêm chủng cho các đơn vị.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động TCMR trên địa bàn tỉnh, kịp thời hỗ trợ và chấn chỉnh các tồn tại trong quá trình thực hiện ở các địa phương.

- Tổng hợp, báo cáo kịp thời kết quả tiêm chủng hàng tháng và các vấn đề liên quan đến TCMR trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác truyền thông, giáo dục về tiêm chủng.

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn chuyên môn về tai biến sau tiêm chủng của tỉnh.

2. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố

- Chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tiêm chủng trên địa bàn, bảo đảm thực hiện đạt các chỉ tiêu chuyên môn; xây dựng kế hoạch hoạt động TCMR trên cơ sở định hướng chung của tỉnh và sát với thực tế của địa phương. Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Giao chỉ tiêu thực hiện cho các xã, phường, thị trấn phù hợp với thực tế, bảo đảm đạt chỉ tiêu chung của tỉnh. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng và kinh phí đúng mục đích, nội dung và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

- Tăng cường tổ chức tiêm chủng vắc xin VGB liều sơ sinh và vắc xin BCG tại tất cả các cơ sở y tế có phòng sinh, bảo đảm đạt chỉ tiêu.

- Tiếp nhận vắc xin, dụng cụ, vật tư tiêm chủng và cấp phát cho tuyến xã triển khai tiêm chủng. Kiểm tra việc bảo quản vắc xin và quản lý, ghi chép đúng quy định từ khâu tiếp nhận, nhập, xuất, vận chuyển, bảo quản, sử dụng.

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tiêm chủng. Tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục về TCMR trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát trong những ngày tiêm chủng nhằm kịp thời chấn chỉnh những tồn tại trong tiêm chủng của tuyến xã. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn trong tiêm chủng, sẵn sàng hỗ trợ tuyến xã trong quá trình tổ chức tiêm chủng.

- Định kỳ hàng tháng, rà soát đối tượng tiêm chủng theo địa bàn xã, kịp thời điều chỉnh đối tượng tiêm chủng sát với thực tế.

- Chỉ đạo tăng cường giám sát phản ứng sau tiêm chủng và giám sát bệnh thuộc TCMR. Chỉ đạo thực hiện các hoạt động khẩn cấp khi có phản ứng nặng sau tiêm chủng xảy ra, đồng thời báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Sở Y tế khi theo quy định của Quy trình giám sát phản ứng sau tiêm chủng.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả tiêm chủng hàng tháng theo quy định.

3. Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Bình Định, Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa Hòa Bình

- Tổ chức tốt việc tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh và vắc xin TCMR khác (BCG).

- Phối hợp tốt trong công tác thông tin, báo cáo và điều trị các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR.

- Sẵn sàng cấp cứu, xử trí các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng bao gồm các trường hợp do tuyến dưới chuyển lên.

- Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các báo cáo theo quy định./.

Phụ lục 1
DỰ KIẾN ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022

TT	Đơn vị	Số huyện miền núi khó khăn	Tổng số xã	Số xã miền núi đặc biệt khó khăn	Dân số	Trẻ < 1 tuổi		Trẻ 18 tháng		Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1-5 tuổi)				Trẻ 7 tuổi		Phụ nữ có thai	
						Số trẻ <1 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 18 tháng	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm 2 mũi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ tiêm mũi 3	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số trẻ 7 tuổi	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn	Số PNCT	Trong đó số đối tượng vùng khó khăn
1	Quy Nhơn	0	21	0	281.910	4.069	0	4.071	0	4.018	0	4.064	0	4.418	0	4.086	0
2	Tuy Phước	0	13	0	189.075	2.978	0	2.929	0	2.943	0	2.937	0	2.941	0	3.020	0
3	Tây Sơn	0	15	1	128.867	1.502	24	1.490	18	1.444	84	1.504	20	1.941	34	1.494	20
4	An Nhơn	0	15	0	186.991	2.759	0	2.788	0	2.781	0	2.813	0	2.849	0	2.823	0
5	Phù Cát	0	18	0	201.773	2.750	0	2.720	0	2.722	0	2.700	0	2.623	0	2.775	0
6	Phù Mỹ	0	19	0	189.384	2.470	0	2.484	0	2.474	0	2.509	0	3.050	0	2.496	0
7	Hoài Nhơn	0	17	0	225.492	2.993	0	2.989	0	2.988	0	2.946	0	3.549	0	2.953	0
8	Hoài Ân	0	15	3	99.800	1.275	90	1.225	95	1.230	80	1.227	80	1.280	80	1.275	90
9	An Lão	1	10	8	28.450	447	240	491	273	481	262	480	262	604	326	449	242
10	Vĩnh Thạnh	1	9	5	34.417	429	177	426	181	430	182	445	185	600	238	430	177
11	Vân Canh	1	7	5	30.948	451	286	497	307	515	320	524	324	598	384	457	291
Tổng		3	159	22	1.597.107	22.123	817	22.110	874	22.026	928	22.149	871	24.453	1.062	22.258	820

Phụ lục 2
ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022

TT	Đơn vị	Dân số	Trẻ <1 tuổi tiêm đủ 8 loại vắc xin			Trẻ <1 tuổi tiêm VX VGB			Trẻ <1 tuổi tiêm IPV			Phụ nữ có thai		
			Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm
1	Quy Nhơn	281.910	4.069	>98%	>3.988	4.069	>85%	>3.459	4.069	>95%	>3.866	4.086	>98%	>4.004
2	Tuy Phước	189.075	2.978	>98%	>2.918	2.978	>85%	>2.531	2.978	>95%	>2.829	3.020	>98%	>2.960
3	Tây Sơn	128.867	1.502	>98%	>1.472	1.502	>85%	>1.277	1.502	>95%	>1.427	1.494	>98%	>1.464
4	An Nhơn	186.991	2.759	>98%	>2.704	2.759	>85%	>2.345	2.759	>95%	>2.621	2.823	>98%	>2.767
5	Phù Cát	201.773	2.750	>98%	>2.695	2.750	>85%	>2.338	2.750	>95%	>2.613	2.775	>98%	>2.720
6	Phù Mỹ	189.384	2.470	>98%	>2.421	2.470	>85%	>2.100	2.470	>95%	>2.347	2.496	>98%	>2.446
7	Hoài Nhơn	225.492	2.993	>98%	>2.933	2.993	>85%	>2.544	2.993	>95%	>2.843	2.953	>98%	>2.894
8	Hoài Ân	99.800	1.275	>98%	>1.250	1.275	>85%	>1084	1.275	>95%	>1.211	1.275	>98%	>1.250
9	An Lão	28.450	447	>98%	>438	447	>85%	>380	447	>95%	>425	449	>98%	>440
10	Vĩnh Thạnh	34.417	429	>98%	>420	429	>85%	>365	429	>95%	>408	430	>98%	>421
11	Vân Canh	30.948	451	>98%	>442	451	>85%	>383	451	>95%	>428	457	>98%	>448
Tổng cộng		1.597.107	22.123	>98%	>21.681	22.123	>85%	>18.806	22.123	>95%	>21.018	22.258	>98%	>21.814

Phụ lục 3
ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TIÊM VẮC XIN VIÊM NÃO NHẬT BẢN, SỞI-RUBELLA VÀ DPT MŨI 4
TRONG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022

TT	Đơn vị	Trẻ 18 tháng tuổi tiêm sởi - rubella và DPT mũi 4			Tiêm vắc xin VNNB					
					Trẻ M1, M2			Trẻ tiêm M3		
		Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm	Dự kiến đối tượng	Chỉ tiêu	Cần tiêm
1	Quy Nhơn	4.071	>98%	>3.990	4.018	>98%	>3.938	4.064	>98%	>3.983
2	Tuy Phước	2.929	>98%	>2.870	2.943	>98%	>2.884	2.937	>98%	>2.878
3	Tây Sơn	1.490	>98%	>1.460	1.444	>98%	>1.415	1.504	>98%	>1.474
4	An Nhơn	2.788	>98%	>2.732	2.781	>98%	>2.725	2.813	>98%	>2.757
5	Phù Cát	2.720	>98%	>2.666	2.722	>98%	>2.668	2.700	>98%	>2.646
6	Phù Mỹ	2.484	>98%	>2.434	2.474	>98%	>2.425	2.509	>98%	>2.459
7	Hoài Nhơn	2.989	>98%	>2.929	2.988	>98%	>2.928	2.946	>98%	>2.887
8	Hoài Ân	1.225	>98%	>1.201	1.230	>98%	>1.205	1.227	>98%	>1.202
9	An Lão	491	>98%	>481	481	>98%	>471	480	>98%	>470
10	Vĩnh Thạnh	426	>98%	>417	430	>98%	>421	445	>98%	>436
11	Vân Canh	497	>98%	>487	515	>98%	>505	524	>98%	>514
Tổng cộng		22.110	>98%	>21.667	22.026	>98%	>21.585	22.149	>98%	>21.706

Phụ lục 4
CHỈ TIÊU GIÁM SÁT CÁC BỆNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TCMR NĂM 2022
CỦA CÁC HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

TT	Đơn vị	Dân số	Số trẻ <1tuổi	Liệt mềm cấp (LMC)		Sởi/Rubella			Trường hợp phát hiện chết sơ sinh (CSS) (≥5/1.000 trẻ sống/huyện)	Ghi chú
				Trường hợp phát hiện LMC (≥1/100.000 trẻ <15 tuổi)	Trường hợp LMC được lấy đủ 2 mẫu phân đúng quy định (≥ 80%)	Trường hợp nghi sởi/ rubella trên phạm vi huyện/ thị xã/ thành phố (≥2/100.000 dân)	Trường hợp nghi sởi/ rubella được điều tra phù hợp (≥ 80%)	Trường hợp nghi sởi/ rubella được lấy mẫu máu đúng quy định (≥ 80%)		
1	Quy Nhơn	281.910	4.069	4	4	6	5	5	20	
2	Tuy Phước	189.075	2.978			4	3	3	15	
3	Tây Sơn	128.867	1.502			3	2	2	8	
4	An Nhơn	186.991	2.759			4	3	3	14	
5	Phù Cát	201.773	2.750			4	3	3	14	
6	Phù Mỹ	189.384	2.470			4	3	3	12	
7	Hoài Nhơn	225.492	2.993			5	4	4	15	
8	Hoài Ân	99.800	1.275			2	2	2	6	
9	An Lão	28.450	447			1	1	1	2	
10	Vĩnh Thạnh	34.417	429			1	1	1	2	
11	Vân Canh	30.948	451			1	1	1	2	
Tổng		1.597.107	22.123	4	4	32	28	28	110	

Phụ lục 5a
DỰ KIẾN VẮC XIN TRONG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN VÀ TIÊM CHỦNG CHIẾN DỊCH

Đơn vị: liều

TT	Đơn vị	VGB	BCG	DPT- VGB- Hib	bOPV	IPV	Sởi	Viêm não Nhật Bản B	Sởi- rubella	DPT	Uốn ván	Td
1	Quy Nhơn	4.275	8.150	12.820	20.760	7.330	7.330	21.780	7.330	8.960	16.360	6.190
2	Tuy Phước	3.130	5.960	9.385	15.200	5.360	5.360	15.890	5.280	6.460	12.080	4.120
3	Tây Sơn	1.580	3.010	4.735	7.660	2.710	2.710	7.910	2.690	3.280	5.980	2.720
4	An Nhơn	2.900	5.520	8.695	14.080	4.970	4.970	15.080	5.020	6.140	11.300	3.990
5	Phù Cát	2.890	5.500	8.665	14.040	4.950	4.950	14.660	4.900	6.000	11.100	3.680
6	Phù Mỹ	2.595	4.940	7.785	12.600	4.450	4.450	13.430	4.480	5.480	10.000	4.270
7	Hoài Nhơn	3.145	6.000	9.430	15.280	5.390	5.390	16.060	5.380	6.580	11.820	4.970
8	Hoài Ân	1.340	2.550	4.020	6.520	2.300	2.300	6.640	2.210	2.700	5.100	1.800
9	An Lão	470	900	1.410	2.280	810	810	2.600	890	1.080	1.800	850
10	Vĩnh Thạnh	450	860	1.355	2.200	780	780	2.350	770	940	1.720	840
11	Vân Canh	475	910	1.425	2.300	820	820	2.800	900	1.100	1.840	840
Tổng		23.250	44.300	69.725	112.920	39.870	39.870	119.200	39.850	48.720	89.100	34.270

Phụ lục 5b
DỰ KIẾN VẬT TƯ TRONG TIÊM CHỦNG THƯỜNG XUYÊN VÀ TIÊM CHỦNG CHIẾN DỊCH

Đơn vị: cái

TT	Đơn vị	Tiêm chủng thường xuyên				Tiêm chủng bổ sung vắc xin Uốn ván-Bạch hầu giảm liều (Td)	
		BKT 0,1ml	BKT 0,5ml	BKT 5ml	HAT 5 lít	BKT 0,5ml	HAT 5 lít
1	Quy Nhơn	4.480	58.115	2.510	720	4.860	55
2	Tuy Phước	3.280	42.450	1.830	525	3.235	40
3	Tây Sơn	1.655	21.310	930	265	2.135	25
4	An Nhơn	3.035	39.770	1.710	490	3.135	35
5	Phù Cát	3.025	39.200	1.690	485	2.885	35
6	Phù Mỹ	2.720	35.465	1.530	440	3.355	40
7	Hoài Nhơn	3.295	42.640	1.845	530	3.905	45
8	Hoài Ân	1.405	17.975	780	225	1.410	20
9	An Lão	495	6.605	290	85	665	10
10	Vĩnh Thạnh	475	6.150	265	80	660	10
11	Vân Canh	500	6.785	290	85	660	10
Tổng		24.365	316.465	13.670	3.930	26.905	325

Phụ lục 6
DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÂN BỐ THEO CÁC HOẠT ĐỘNG
CỦA HOẠT ĐỘNG TIÊM CHỨNG MỞ RỘNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán
1	Mua bông, cồn cho xã, phường	97.944.000
2	Thực hiện giám sát dây chuyền lạnh, bảo trì, bảo dưỡng tủ lạnh thuộc Tiêm chủng mở rộng	10.224.900
3	Kiểm tra, đánh giá hoạt động TCMR hàng quý, kết hợp giám sát bệnh truyền nhiễm trong TCMR	27.106.400
4	Kiểm tra, giám sát trong buổi tiêm chủng	48.705.568
5	Tham dự Hội nghị tập huấn ngoại tỉnh	33.720.000
6	Giám sát ca bệnh liệt mềm cấp 60 ngày (Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt)	5.493.200
7	In ấn sổ sách, biểu mẫu	97.287.400
8	Mua bơm kim tiêm, hộp an toàn	749.626.350
Tổng cộng		1.070.107.818

Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn tám trăm mười tám đồng./.